

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA

SỔ GHI ĐIỂM
CỦA GIÁO VIÊN

Họ và tên giáo viên: Nguyễn Thị Thu Phương

Môn học: Lịch sử

Trường: Trường THPT Đoàn Thị Điểm

NĂM HỌC 2020-2021

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA

SỔ GHI ĐIỂM
CỦA GIÁO VIÊN

Họ và tên giáo viên: Nguyễn Thị Thu Phương

Môn học: Lịch sử

**Lớp giảng dạy: 10A2, 10A3, 10A4, 10A5, 10A6, 10A7, 10A8,
11B5, 11B6, 11B7**

Trường: Trường THPT Đoàn Thị Điểm

NĂM HỌC 2020-2021

LỚP: 10A2

MÔN: LỊCH SỬ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Nguyễn Ngọc Khánh An											
2	Đàm Tổ Anh											
3	Trần Nguyễn Hoài Anh											
4	Lê Gia Bảo											
5	Trần Thị Diễm											
6	Đặng Thị Huyền Diệu											
7	Nguyễn Hồng Dương											
8	Nguyễn Văn Tiến Đạt											
9	Lê Thị Đoan											
10	Trần Thị Ngọc Hà											
11	Trịnh Minh Hạnh											
12	Võ Ngọc Bích Hào											
13	Trần Thị Ngọc Hân											
14	Nguyễn Kiều Trung Hiếu											
15	Tạ Công Hiếu											
16	Trần Thị Minh Hòa											
17	Lê Nguyễn Quốc Huy											
18	Trần Quốc Huy											
19	Nguyễn Ngọc Phương Huyền											
20	Nguyễn Ngọc Phương Huyền											
21	Nguyễn Ngọc Vân Huyền											
22	Phạm Huỳnh Thanh Hưng											
23	Phan Hoàng Khang											
24	Thái Thị Thùy Linh											
25	Nguyễn Khánh My											
26	Lưu Hồng Nam											
27	Trương Thị Bích Ngà											
28	Nguyễn Ngọc Thủy Ngân											
29	Lê Khánh Nguyên											
30	Nguyễn Bảo Phong											
31	Nguyễn Thanh Phong											
32	Trần Lê Hoàng Phúc											
33	Nguyễn Thanh Sơn											
34	Nguyễn Ngọc Thảo											
35	Nguyễn Lê Anh Thư											
36	Thái Thư											
37	Nguyễn Thùy Trang											
38	Võ Quốc Trường											
39	Nguyễn Minh Tú											
40	Huỳnh Quang Tuấn											
41	Võ Anh Tuấn											
42	Nguyễn Hoàng Yến											
43	Trần Thị Ngọc Mẫn											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 10A3

MÔN: LỊCH SỬ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Đào Ngọc Ánh											
2	Hồ Gia Bảo											
3	Đình Hữu Bằng											
4	Vũ Hoàng Đạt											
5	Nguyễn Hạnh Hân											
6	Lê Minh Huy											
7	Lê Minh Khang											
8	Phạm Nhật Khôi											
9	Lê Ngọc Khương											
10	Chế Ngọc Mỹ Kim											
11	Cao Thị Lắng											
12	Nguyễn Kim Lợi Ngân											
13	Phạm Quốc Nguyên											
14	Trương Thị Thảo Nguyên											
15	Nguyễn Lê Xuân Nguyệt											
16	Võ Chí Nhân											
17	Lê Khánh Nhựt											
18	Lê Thu Phương											
19	Trần Thanh Quân											
20	Nguyễn Hoàng Minh Quốc											
21	Mai Thị Kim Sen											
22	Trần Thế Sơn											
23	Đỗ Minh Tâm											
24	Nguyễn Châu Thanh											
25	Huỳnh Minh Thảo											
26	Phạm Yến Thảo											
27	Phan Thị Thanh Thảo											
28	Thái Thị Ngọc Thảo											
29	Lê Văn Thi											
30	Mai Đức Thiện											
31	Hà Nguyễn Phương Thủy											
32	Nguyễn Thị Phương Thùy											
33	Lê Hạ Thủy Tiên											
34	Nguyễn Hà Thủy Tiên											
35	Cao Thị Huyền Trang											
36	Nguyễn Ngọc Khánh Trâm											
37	Võ Ngọc Gia Trân											
38	Huỳnh Thị Thanh Trúc											
39	Trần Nguyễn Quốc Trung											
40	Nguyễn Phạm Nhật Tường											
41	Lê Thùy Uyên											
42	Lê Trần Trúc Vy											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 10A4

MÔN: LỊCH SỬ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Lê Quốc Bảo											
2	Lộc Như Ngọc Thanh Bình											
3	Nguyễn Thanh Bình											
4	Trần Thành Đạt											
5	Vũ Diệu Hồng Hạnh											
6	Phạm Thị Thanh Hậu											
7	Võ Trung Hoài											
8	Trần Thị Mỹ Hoàng											
9	Trần Huy Hùng											
10	Nguyễn Nhật Huy											
11	Trương Đức Huy											
12	Nguyễn Tấn Khiêm											
13	Lê Lai											
14	Lê Ngọc Khánh Liễu											
15	Vũ Tiến Long											
16	Trần Thị Ngọc Ly											
17	Trịnh Thị Xuân Mai											
18	Huỳnh Tuấn Minh											
19	Nguyễn Anh Minh											
20	Ngô Nguyễn Quỳnh Nga											
21	Tạ Thị Thúy Nga											
22	Nguyễn Thị Bích Ngọc											
23	Nguyễn Bảo Nguyên											
24	Đỗ Phương Ái Nhi											
25	Nguyễn Hoàng Phương Nhiên											
26	Võ Ngọc Ý Như											
27	Phạm Xuân Phong											
28	Trịnh Minh Phúc											
29	Dương Minh Phước											
30	Quách Thị Ngọc Phượng											
31	Thái Thị Lệ Quyên											
32	Phan Trần Thịnh											
33	Nguyễn Trương Thương Thương											
34	Nguyễn Thị Thùy Tiên											
35	Phan Đăng Anh Tiến											
36	Nguyễn Ngọc Thùy Trang											
37	Nguyễn Thị Thu Trang											
38	Trần Thị Ngọc Trang											
39	Bùi Thị Thanh Trúc											
40	Trần Mạnh Tường											
41	Nguyễn Quốc Xuân											
42	Trần Thị Như Ý											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 10A5

MÔN: LỊCH SỬ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M	V									
1	Trần Tất An											
2	Đỗ Trâm Anh											
3	Lê Mai Anh											
4	Nguyễn Thị Mai Anh											
5	Trần Anh Hữu Bằng											
6	Trần Khánh Dương											
7	Thái Tấn Đạt											
8	Lê Ngọc Thịnh Gia											
9	Chế Minh Hải											
10	Lê Trung Hiếu											
11	Nguyễn Nhật Hoa											
12	Lê Minh Huy											
13	Trần Tuấn Khang											
14	Tạ Đình Khánh											
15	Nguyễn Vũ Anh Khoa											
16	Đặng Trần Kiều Lam											
17	Dương Thành Lộc											
18	Hoàng Xuân Minh											
19	Nguyễn Ngọc Diễm My											
20	Lê Thị Mỹ Ngân											
21	Nguyễn Thị Yến Nhi											
22	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như											
23	Nguyễn Lâm Phi											
24	Phan Nhật Phong											
25	Trương Thị Mỹ Phương											
26	Võ Lê Mai Quyên											
27	Võ Thái Sơn											
28	Hoàng Nam Thanh Tâm											
29	Đỗ Phạm Minh Thông											
30	Nguyễn Thị Minh Thư											
31	Nguyễn Đình Tiến											
32	Cao Thị Ngọc Trâm											
33	Nguyễn Minh Huyền Trâm											
34	Nguyễn Thị Kim Trinh											
35	Mang Văn Trọng											
36	Nguyễn Thị Thanh Trúc											
37	Nguyễn Xuân Trường											
38	Nguyễn Thành Viên Uyên											
39	Phùng Trương Hải Văn											
40	Võ Khánh Việt											
41	Huỳnh Trần Phúc Vinh											
42	Nguyễn Duy Vinh											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 10A6

MÔN: LỊCH SỬ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Võ Ngọc Anh															
2	Trương Quân Bảo															
3	Dương Chí Công															
4	Lê Tuấn Cường															
5	Nguyễn Văn Danh															
6	Lý Quỳnh Trúc Giang															
7	Phan Thị Thanh Hà															
8	Nguyễn Thị Hoàng Hải															
9	Nguyễn Lê Ngọc Hân															
10	Nguyễn Mỹ Ngọc Hân															
11	Trà Thị Ngọc Hiền															
12	Lê Xuân Huy															
13	Nguyễn Lê Ngọc Huy															
14	Phạm Quốc Huy															
15	Nguyễn Ngọc Huyền															
16	Hà Đỗ Diễm Hương															
17	Trần Anh Kiệt															
18	Trần Thanh Liêm															
19	Ca Thị Mai															
20	Trần Nguyễn Khánh Minh															
21	Nguyễn Thị Trà My															
22	Trương Nguyễn Giáng My															
23	Huỳnh Thanh Nghĩa															
24	Nguyễn Thái Nguyên															
25	Nguyễn Thị Hồng Nhạn															
26	Huỳnh Lê Yến Nhi															
27	Nguyễn Tuyết Nhi															
28	Nguyễn Thị Thùy Như															
29	Huỳnh Tấn Ninh															
30	Ông Thị Phú															
31	Hoàng Nhật Quang															
32	Nguyễn Mai Đan Quỳnh															
33	Nguyễn Nữ Mì Sa															
34	Nguyễn Thành Tâm															
35	Lê Trần Thịnh															
36	Hoàng Lê Minh Thức															
37	Huỳnh Ngọc Thủy Tiên															
38	Nguyễn Văn Tin															
39	Nguyễn Đăng Triển															
40	Nguyễn Đăng Trí															
41	Nguyễn Công Tuyền															
42	Nguyễn Nhật Tuyền															
43	Đặng Huy Văn															
44	Hoàng Nhật Vinh															
45	Hoàng Bá Vương															
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)																
- Giỏi: 0 - 0%																
- Khá: 0 - 0%																
- Trung bình: 0 - 0%																
- Yếu: 0 - 0%																
- Kém: 0 - 0%																

LỚP: 10A7**MÔN: LỊCH SỬ****HỌC KỲ I**

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Lê Hồng Anh															
2	Lê Thị Ngọc Ánh															
3	Đình Nguyễn Kim Bình															
4	Lê Phúc Bình															
5	Khổng Đình Chiến															
6	Đào Văn Cương															
7	Cao Minh Duy															
8	Cao Thị Mỹ Duyên															
9	Phạm Nguyễn Hoàng Gia															
10	Phan Thị Khánh Hà															
11	Nguyễn Trung Hiếu															
12	Nguyễn Đức Khoa															
13	Nguyễn Quang Khoa															
14	Lê Văn Khôi															
15	Nguyễn Trọng Lân															
16	Trần Thị Trà My															
17	Trần Việt Nga															
18	Lê Quốc Nghĩa															
19	Lê Thị Hồng Ngọc															
20	Trịnh Minh Ngọc															
21	Lê Thị Yên Nhi															
22	Nguyễn Mai Ngọc Như															
23	Phạm Lê Hoàng Như															
24	Nguyễn Thị Tuyết Ny															
25	Cao Thị Phương															
26	Phạm Gia Quốc															
27	Nguyễn Ngọc Thanh Quy															
28	Lê Tuấn Quỳnh															
29	Nguyễn Văn Tân															
30	Nguyễn Hữu Thắng															
31	Nguyễn Thị Thanh Thúy															
32	Hồ Ngọc Thanh Trà															
33	Thân Thị Bích Trâm															
34	Nguyễn Minh Trí															
35	Nguyễn Trọng Trí															
36	Nguyễn Hải Triều															
37	Lê Thanh Tùng															
38	Lê Võ Đức Việt															
39	Nguyễn Đại Việt															
40	Trần Nhật Thảo Vy															
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)																
- Giỏi: 0 - 0%																
- Khá: 0 - 0%																
- Trung bình: 0 - 0%																
- Yếu: 0 - 0%																
- Kém: 0 - 0%																

LỚP: 10A8**MÔN: LỊCH SỬ****HỌC KỲ I**

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Dương Phúc An															
2	Đặng Trí Bình An															
3	Nguyễn Xuân An															
4	Mai Nguyễn Minh Anh															
5	Trịnh Ngọc Ánh															
6	Nguyễn Nhật Bằng															
7	Cao Cảnh															
8	Võ Ngọc Minh Châu															
9	Cao Cường															
10	Nguyễn Thị Lê Dung															
11	Phạm Thị Thùy Dung															
12	Hồ Chí Dũng															
13	Ca Thị Đào															
14	Nguyễn Thành Đạt															
15	Nguyễn Thị Hồng Hạnh															
16	Võ Văn Hiếu															
17	Vũ Quốc Tín Hiệu															
18	Nguyễn Thị Mỹ Huyền															
19	Nguyễn Quỳnh Hương															
20	Trương Chí Khang															
21	Trương Hữu Khánh															
22	Đặng Anh Khoa															
23	Đình Tuấn Kiệt															
24	Lê Nguyễn Thanh Lam															
25	Phạm Bích Ngọc															
26	Nguyễn Thu Nhân															
27	Phạm Anh Nhân															
28	Bùi Thiện Phú															
29	Lê Trần Anh Phương															
30	Lê Thị Thanh Thảo															
31	Trương Thị Thu Thảo															
32	Nguyễn Văn Thông															
33	Lữ Nữ Thanh Trâm															
34	Phan Hoàng Bảo Trân															
35	Trịnh Ngọc Bảo Trân															
36	Bạch Anh Trí															
37	Nguyễn Anh Tuấn															
38	Nguyễn Quốc Tùng															
39	Nguyễn Thị Thùy Vi															
40	Trần Anh Vũ															
41	Nguyễn Huỳnh Vy Vy															
42	Nguyễn Hoàn Như Ý															
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)																
- Giỏi: 0 - 0%																
- Khá: 0 - 0%																
- Trung bình: 0 - 0%																
- Yếu: 0 - 0%																
- Kém: 0 - 0%																

LỚP: 11B5**MÔN: LỊCH SỬ****HỌC KỲ I**

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M	V									
1	Nguyễn Minh Chánh											
2	Nguyễn Thị Diễm Chi											
3	Lê Đức Cường											
4	Trần Nguyễn Tiến Đạt											
5	Huỳnh Được											
6	Trần Hương Giang											
7	Nguyễn Ngọc Giàu											
8	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh											
9	Trần Thị Mai Hạnh											
10	Đình Bảo Hiếu											
11	Lê Nguyễn Trung Hiếu											
12	Nguyễn Hữu Hoàng											
13	Lê Lâm Huy											
14	Mẫu Thị Kim Hy											
15	Trần Đình Khôi											
16	Trần Thị Mỹ Lệ											
17	Nguyễn Thanh Trúc Ly											
18	Nguyễn Đức Mạnh											
19	Nguyễn Văn Tấn Minh											
20	Bùi Thị Kiều My											
21	Huỳnh Văn Nam											
22	Lê Thị Thu Ngân											
23	Hồ Thanh Nhân											
24	Trương Thị Yên Nhi											
25	Trần Kim Quang											
26	Văn Nguyễn Minh Quân											
27	Trần Anh Quốc											
28	Nguyễn Lê Thảo Quyên											
29	Trần Ngọc Sương											
30	Trần Ngọc Thạch											
31	Cao Thị Thiệu											
32	Mang Thị Kim Thủy											
33	Đình Thị Minh Thư											
34	Trần Quốc Tiến											
35	Trần Việt Tiến											
36	Mẫu Hoàng Tín											
37	Trần Thị Diệu Trinh											
38	Trần Bình Trọng											
39	Hồ Hữu Quốc Trung											
40	Nguyễn Quốc Trung											
41	Hồ Phi Trường											
42	Nguyễn Công Khánh Trường											
43	Lý Nguyễn Cát Tường											
44	Nguyễn Thụy Gia Viên											
45	Đoàn Đặng Bảo Yến											
46	NGUYỄN NGỌC LAN ANH											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 11B6**MÔN: LỊCH SỬ****HỌC KỲ I**

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Nguyễn Huỳnh Bảo											
2	Huỳnh Lê Tuyết Băng											
3	Nguyễn Thị Huyền Diệu											
4	Võ Nguyễn Anh Duy											
5	Hồ Hải Dương											
6	Lê Văn Hải											
7	Trần Thiên Hiếu											
8	Võ Minh Hiếu											
9	Phan Ngọc Hoài											
10	Nguyễn Minh Hoàng											
11	Nguyễn Diệu Hoài Hương											
12	Nguyễn Chí Kha											
13	Dương Đình Khánh											
14	Lê Hoàng Ngọc Khuê											
15	Cao Thị Tuyết Mai											
16	Trương Ngọc Xuân Mai											
17	Cao Thị Tà Miêu											
18	Nguyễn Công Minh											
19	Nguyễn Thị Trà My											
20	Nguyễn Huỳnh Nam											
21	Lê Khánh Ngọc											
22	Đoàn Lê Khánh Nhi											
23	Lê Hoàng Phúc											
24	Phạm Minh Quang											
25	Trần Ngọc Diễm Quỳnh											
26	Võ Đức Tâm											
27	Lê Chí Thiện											
28	Võ Thị Kim Thoa											
29	Nguyễn Phúc Tiến											
30	Võ Đào Đức Toàn											
31	Huỳnh Ngọc Hoàng Trâm											
32	Trần Thị Quỳnh Trân											
33	Trịnh Thái Bảo Trân											
34	Bùi Thị Tuyết Trinh											
35	Nguyễn Thị Mai Trúc											
36	Phan Thị Thanh Trúc											
37	Đào Nhật Trường											
38	Nguyễn Đồng Anh Tuấn											
39	Lê Khánh Việt											
40	Phạm Công Việt											
41	Nguyễn Đức Anh Vũ											
42	Nguyễn Ngọc Tường Vy											
43	Nguyễn Thụy Phi Yến											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 11B7**MÔN: LỊCH SỬ****HỌC KỲ I**

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Trần Huy An															
2	Nguyễn Quốc Nguyên Bình															
3	Trần Ngọc Duy															
4	Nguyễn Hoàng Xuân Duyên															
5	Đặng Quốc Dũng															
6	Trần Lê Thùy Đoan															
7	Lê Tấn Hào															
8	Lê Thị Kim Hân															
9	Nguyễn Thị Hoài															
10	Trần Quốc Huy															
11	Trần Xuân Khang															
12	Cao Thị Khiên															
13	Trần Duy Khoa															
14	Cao Nguyễn Tiểu Khuyên															
15	Võ Thanh Kiên															
16	Ca Thị Lành															
17	Nguyễn Thành Long															
18	Đoàn Thị Kiều Ly															
19	Nguyễn Xuân Mai															
20	Nguyễn Lê Xuân Nhi															
21	Nguyễn Tấn Phong															
22	Phạm Hữu Phú															
23	Phạm Đình Phúc															
24	Nguyễn Trần Nam Phương															
25	Tạ Thanh Quý															
26	Lê Trung Tân															
27	Nguyễn Đình Thanh															
28	Lương Văn Thái															
29	Lương Thị Kim Tháo															
30	Nguyễn Như Phương Tháo															
31	Nguyễn Thị Thanh Tháo															
32	Bo Bo Thị Thi															
33	Chế Ngọc Thiện															
34	Nguyễn Minh Thuận															
35	Phan Nguyễn Anh Thuận															
36	Phan Thị Thanh Thúy															
37	Phan Thị Mỹ Trang															
38	Phạm Mạnh Trung															
39	Phan Thị Thảo Vân															
40	Văn Quang Vinh															
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)																
- Giỏi: 0 - 0%																
- Khá: 0 - 0%																
- Trung bình: 0 - 0%																
- Yếu: 0 - 0%																
- Kém: 0 - 0%																



